

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QSSDT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Kiều N, sinh năm 1985; (vắng mặt có đơn)

ĐKTT: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1983; (vắng mặt)

ĐKTT: Số 474/AQ, ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đinh Thị Kiều N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn P kết hôn vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/10/2019. Thời gian đầu, anh chị sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh P ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm danh dự của chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn

đến tình cảm ngày càng rạn nứt. Chị đã nhiều lần về quê mẹ ruột ở Trà Vinh để sinh sống nhưng anh P cũng không sửa đổi. Hiện chị và anh P đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh P đã không còn hạnh phúc, vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh P có 01 con chung tên Lê Đình T, sinh ngày 05/5/2020. Hiện cháu T đang sống cùng anh P. Khi ly hôn, chị giao cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị rút lại yêu cầu anh P trả lại cho chị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 84K1-334.83 cùng giấy tờ xe.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Lê Văn P không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị N và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục:* Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi thông báo thụ lý, hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Kiều N được ly hôn với anh Lê Văn P.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình T, sinh ngày 05/5/2020. Giao cháu T cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Đinh Thị Kiều N về việc buộc anh Lê Văn P trả lại cho chị Nương chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 84K1-334.83 cùng giấy tờ xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Kiều N và anh Lê Văn P kết hôn vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, hôn nhân của chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh P. Chị N và anh P cũng đã có thời gian ly thân nhưng không hàn gắn được. Anh P biết việc chị N yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa chứng tỏ anh P không có thiện chí hàn gắn cùng chị N. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh P có 01 con chung tên Lê Đình T, sinh ngày 05/5/2020. Hiện cháu T đang sống cùng anh P. Xét việc chị N giao cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của cháu T. Do đó, HĐXX chấp nhận giao cháu T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét việc chị N tự nguyện rút lại yêu cầu anh P trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 84K1-334.83 cùng giấy tờ xe là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Kiều N phải nộp án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Đinh Thị Kiều N ly hôn với anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình T, sinh ngày 05/05/2020. Anh Lê Văn P có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đình T. Chị Đinh Thị Kiều N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Đinh Thị Kiều N về việc buộc anh Lê Văn P trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển số 84K1-334.83 cùng giấy tờ xe.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Kiều N phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.425.000 (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền số 0004027 và 0004028 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. H lại cho chị Đinh Thị Kiều N 825.000 (tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã V (B, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Thị Huyền Nhung

